

XÃ HỘI HỌC VÀ LỊCH SỬ

XÃ HỘI HỌC VIỆT NAM QUA

THƠ XUÂN NGUYỄN KHUYẾN

(NHÂN KỶ NIỆM 150, NĂM NGÀY SINH NHÀ THƠ, 1895 – 1985)

TRƯƠNG NHÂN HUYỀN

Không có gì lạ khi xưa nay nhà thơ nào cũng có viết về Xuân, về Tết. Cũng là sự thường khi họ gửi gắm trong đó ít nhiều nhà tâm tư, tình cảm và cái nhìn của họ về xã hội xung quanh.

Chúng tôi đặt vấn đề tìm hiểu về xã hội Việt Nam trong thơ xuân Nguyễn Khuyến vì hai lẽ; một là, trong các nhà thơ thời trước, Nguyễn Khuyến có nhiều bài nhất; hai là, thơ Nguyễn Khuyến phản ánh khá đậm nét tình hình xã hội đương thời.

Nguyễn Khuyến, như mọi người dân Việt Nam, đã hằng năm chào đón Tết. Đó là lúc chuyển giao thời tiết và cảnh sắc của thiên nhiên. Mọi người thấy xao xuyến, hầu như Tết đã đem đến sự đổi mới trong gia đình, ngoài xã hội và ở cả bản thân mình.

Nhà thơ đã khai bút trong gia đình, ngoài xã hội và ở cả bản thân mình.

*Ình ịch đêm qua trống các làng,
Ai ai là chẳng rước xuân sang.
Rượu ngon nhấp giọng đưa vài chén,
Bút mới xô tay thử một hàng...*

(K6/10/2010hai bút)

Trong không khí ấm cúng của mùa xuân, tâm hồn nhà thơ cũng cảm thấy thoải mái:

*Nhạn lẻ đâu về cây giữa nội,
Cỏ non xanh ngát bãi ven sông.*

(Xuân hứng, Thơ chữ Hán, Ngô Linh Ngọc dịch)

Bao đời rồi, Tết vừa là cổ truyền, vừa là mới mẻ. Tết cũng là ngày hội, ngày lễ của làng. Trong những ngày ấy, chính ông khi về quê cũng từng tham dự: “*Cổ phe ngồi đã tróc bàn ba*”. Tết là khi mọi người mong muốn những điều tốt đẹp hơn sẽ đến, khi mình thêm một tuổi:

*Một năm, một tuổi trời cho tớ,
Tuổi tớ, trời cho tớ lại càng...*

(Khai bút)

Tuy vậy trong mảng thơ xuân Nguyễn Khuyến, phần đáng nói hơn, có ý nghĩa hơn lại chính là những vấn đề xã hội. Trong cuộc đời nhà thơ, từ nhỏ lớn lên anh khóa Thăng, hiền đạt thành ông Nguyễn Khuyến, rồi đến khi xin được hưu quan nghỉ ở quê, thì xã hội đã có lắm đổi thay. Chế độ phong kiến ngày thêm mục nát. Giặc Pháp, bắt đầu từ năm 1858, nổ súng xâm lược nước ta, rồi đánh rộng ra toàn cõi. Triều đình nhà Nguyễn bạc nhược, hèn nhát đã đầu hàng. Suốt thời kỳ đó, đất nước đại loạn, giặc giã liên miên, nhân tình đen bạc, dân chúng điêu linh. Tất cả những điều ấy thể hiện rất rõ ràng trong thơ văn Nguyễn Khuyến và cả trong mảng thơ xuân của ông. Không phải ngẫu nhiên khi ông viết:

*Vi vũ vi phong thử hựu hàn,
Chỉ thử tam triều kiêm lưỡng biến
(Đình Hối Nguyên đán II)*

Nghĩa là:

Mưa phùn gió nhẹ, nóng rồi lại lạnh
Chỉ mới trong sáng mông một Tết mà đã hai lần biến đổi.

Chỉ là một hiện tượng tự nhiên, nhưng Nguyễn Khuyến đâu phải chỉ muốn nói về tự nhiên. Nóng rồi lạnh, cái thoát biến ấy phản ánh cái điên đảo của xã hội. Đọc tiếp câu khác của ông sẽ rõ hơn:

*Thế sự du du nại lão hà,
Kỷ xứ cùng phong vô định ước.*

Nghĩa là:

Việc đời bởi bởi, thân già làm được gì,
Khắp nơi gió giữ không ngừng gót.

Trong thời loạn cũng đã có nhiều tâm sự lớn gặp nhau. Trở về mấy thế kỷ trước, ta gặp niềm riêng ấy ở Đặng Dung khi ông viết “Thế sự du du nại lão hà, Vô cùng thiên địa nhập hàm ca” (*Cảm hoài*). Thực ra, làm gì và như thế nào, cả Đặng Dung và Nguyễn Khuyến đều không giải đáp nổi:

*Xuân về ngày loạn càng lơ lảo,
Người gặp khi cùng cũng ngẩn ngơ.
(Ngày xuân dặn các con)*

Trong xã hội cũ, con đường của người tri thức phong kiến là đi học, đi thi rồi làm quan. Vậy mà ở thời Nguyễn Khuyến:

*Khí khu Định doãn phát y hồi,
Kim nhật Xuân thương giả tổ lai.
(Vũ hậu xuân túy cảm thành)*

Nghĩa là:

Mùa thu năm ngoái, ông huyện Trục Định đã về giữ áo ra về;

Ngày nay, ông Thương Xuân Trường lại buông dải ăn nghỉ việc.

Nguyễn Khuyến không thấy lạ gì trước hiện tượng “treo ấn từ quan” của các bạn hữu mà còn khuyến khích: “Đáng mừng là các bạn biết mạnh dạn lui về”. Đây không phải là vấn đề xuất xứ của nhà nho, mà chỉ vì khí tiết của người trí thức chân chính không cho phép họ hợp tác với bọn cướp nước.

Trong bối cảnh, Nguyễn Khuyến thấy rất rõ cảnh sống tang thương, đói khổ của quần chúng lao động:

Đầu xuân mà sớm dẫm trời sương,

Dân xác xơ rồi, mùa trắng băng.

(*Xuân bệnh II* - Nguyễn Văn Huyền dịch)

Trong khi bao người bị giặc giã, loạn lạc, thiên tai, bóc lột làm cho khánh kiệt, bơ vơ thì bọn thống trị, bọn tay sai lại càng giàu có, “phồn thịnh”. Một chi tiết đáng nhớ trong bài *Khai bút* đêm giao thừa của ông:

Ngoài lũy nhấp nhô cô cụ Tổng,

Cách ao lệt đệt pháo thầy Nhang.

Cụ Tổng ở đây là chánh tổng Hào ở vùng quê nhà thơ, nhà giàu có, vườn rộng mênh mông, cây cối tre phec um tùm, chim chóc vô kể. Còn thầy Nhang là hương Tiên, một chức dịch làng Vị, nhà cũng lắm của nhiều tiền. Chỉ với mấy câu thơ, cụ Tam Nguyên đã vẽ lên cả một bức tranh xã hội: Tết của kẻ giàu và Tết của người nghèo là hai cái Tết khác biệt.

Nguyễn Khuyến là một nhà thơ lớn, cái tôi trữ tình của ông càng có tầm cỡ. Trong thơ xuân, ông càng có dịp gửi gắm tâm tư sâu kín của mình. Năm hết, Tết đến, mỗi đêm giao thừa, một lần thêm một tuổi, người ta hay ngẫm lại quá khứ, nghĩ về sự đời, tương đến tương lai.

Nhìn về quãng đường đã qua, Nguyễn Khuyến thấy “Ngao ngán ta nay đã khác xưa” (*Xuân nhật hữu cảm*). Vào đời với nhiều hoài bão, đã từng bước trong chốn quan trường, giờ đây, ông ngồi ngẫm lại, thấy sao mà vô nghĩa đến thế, và cũng đáng hổ thẹn cho mình:

Sách vở ích gì cho buổi ấy,

Áo xiên nghĩ lại thẹn thân già.

(*Ngày xuân dặn các con*)

Đất nước đã bị giặc ngoại xâm giày xéo, “đạo học” trở thành hơ vô, người trí thức sống cũng như thừa:

Danh hào nay hơn anh bị gậy

Tài xoàng e kém chú che tàn

(*Xuân bệnh*)

Một người từng đỗ Tam Nguyên, làm quan đến đại thần, mà cuối đời tự đánh giá về mình như thế, kẻ cũng đáng suy nghĩ, Nguyễn Khuyến còn viết:

Thập tải bôn ba thử nhất đồ,

Quy lai ngộ hạnh đắc vi ngô.

(*Mộ xuân tiêu thán*)

Nghĩa là:

Mười năm trời bôn ba trên một con đường,

Nay trở về may mắn ta vẫn là ta.

Nguyễn Khuyến làm quan từ năm 1871 đến năm 1844, thì đã ba năm ở nhà cư tang mẹ, còn khoảng mười năm, trong đó chiếm hai phần ba, là làm Sứ quan và Học quan. Như người ta thường nói, đó là một chức quan “lạm”, ít dính dáng đến việc cai trị. Thực tế đời làm quan của ông đã theo đúng “ta, thanh”, (thanh bản, thanh liên và thanh cao), vậy mà lúc về hưu, lại giật mình thấy “may mắn ta vẫn là ta”. Thì ra, trong xã hội ấy đã có một sự thật: đã làm quan là biến chất, đã làm quan là vợ vét, tham nhũng, suy đồi.

Ngày nay, đọc lại mảng thơ xuân Nguyễn Khuyến, cũng thấy ái ngại cho ông những lúc ốm đau, già yếu:

Lão bệnh vô năng duy hữu túy.

(*Vũ hậu xuân túy cảm tác*)

Nghĩa là: Ta nay già yếu không làm gì được nữa, chỉ còn biết uống rượu say mà thôi.

Hay:

Say khướt, nói năng không còn mạch lạc,

Già rồi, xương da nhăn nheo lồi lõm như núi với sông.

(*Xuân húng*)

Hoặc:

Hàm răng giậu đổ xiêu xiêu vẹo.

Mái tóc bong bong rói rói bời.

(*Canh Tý xuân - Ngô Linh Ngọc dịch*)

Một khi trong đời cảm thấy không còn chỗ đứng cho lý tưởng sống, không còn mục đích nữa, tai người có tuổi lại càng cảm thấy sự kè gằn của quy luật tự nhiên. Trách gì, ngay trong tiếng cười của ông cũng có điều chua xót:

Muốn hỏi ông tạo có sao đã đi lại trở lại,

Gió đông cũng vì thế mà cười ha ha.

(*Tết năm Đinh Hợi*)

Trong cái xã hội đầy bất công và tối tăm này, thì ngày Tết cổ truyền cũng mất dần ý nghĩa. Mùa xuân đâu có đến với những túp lều tranh. Nguyễn Khuyến cảm thấy buồn thương mỗi khi Tết đến. Không muốn thấy những cảnh chường tai gai mắt, đó là tâm trạng chung của cả một lớp nhà thơ chân chính trong xã hội phong kiến. Ở nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì:

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con.

(*Than thân*)

Nguyễn Khuyến càng buồn hơn:

Sáng ra nắng chén những buồn rầu,

Xuân lạnh vừa qua gió tiếp sau.

(*Xuân hàn cảm thành, đã dịch*)

Hay:

Năm mới đến, năm cũ qua,

Mọi người vui vẻ sao ta riêng buồn.

Thương mình gân cốt hao mòn,

Nào hay ngày tháng cứ vùn vụt đi.

(*Xuân nguyên hữu cảm, Đỗ Ngọc Toại dịch*)

Hoặc:

Dạ buồn, đêm ngại nghe con học,

Rượu đất, xuân khôn đón khách sang.

(*Xuân bệnh. Thơ chữ Hán, đã dịch*)

Gần chục năm dùi mài kinh sử, chín lần lều chông ra đi, bảy lần thi hỏng ra làm quan rồi thất vọng bỏ về. Thực tế xã hội đã làm cho ông hoàn toàn vỡ mộng. Giữa cái cảnh tượng “*Lọng cắm rợp trời quan sứ đến, Váy lê quét đất mụ đầm ra*”, thì một người có nhiều tâm huyết như Nguyễn Khuyến không buồn làm sao được. Một nỗi buồn sâu thẳm, hòa quyện trong lòng ông về thân phận của riêng mình và niềm đau chung của đất nước. Có lần ông đã nghĩ đến chuyện tự sát, muốn giải thoát “*Tám thân già yếu, chết đi cho xong*” (*Xuân nhật hữu cảm*). Đối với ông, con thiêu thân đã chọn cho mình cái chết rứt rứt xiết bao:

Giống lông cánh phận mình nho nhỏ,

Chết là yên, chết chỗ vinh quang.

...

Chữ trí năng trước sau giữ vẹn,

Thời buổi này chẳng bèn lợi danh.

(*Xuân dạ liên nga - Hoàng Tạo dịch*)

Tuy nhiên, buồn thương, đau xót chẳng biến đổi được cốt cách của ông. Mọi gió sương của cuộc đời, mọi thăng trầm của số phận chẳng làm ông từ bỏ đã chọn lựa. Vẫn tự tin “ta vẫn là ta”, ông trở về với nhân dân, viết những vần thơ phản ánh tâm tư và nguyện vọng của nhân dân. Cuộc sống trong lãnh của lao động nông nghiệp khuyến khích ông:

*Các con nói chí cha nên biết,
Nghiên bút đừng quên lúa, đậu, cà.*

(Xuân nhật thị chư nhĩ, đã dịch)

Còn đối với riêng ông, thì năm tháng chẳng còn ý nghĩa nữa khi quân thù còn đó:

*Thương mình gân cốt hao mòn,
Nào hay ngày tháng cứ vùn vụt đi
Lịch đâu Giáp Tý mà ghi,
Kẻ thù còn đó, đọc gì Xuân Thu.*

(Xuân nguyên hữu cảm. Đỗ Ngọc Toại dịch)

Đoạn thơ trên đây nhắc nhở đến thân phận của người mất nước và thẹn cho bản thân mình không làm được gì để đuổi quân xâm lược.

Trong lịch sử, ít thấy tác giả đã thể hiện trong thơ xuân đủ cả vui buồn, những cảnh đời, tình người, những tiếc thương và hy vọng như ở Nguyễn Khuyến. Qua thơ xuân Nguyễn Khuyến, ta thấy ông đã từ tấm lòng yêu nước thương dân, đứng trên lập trường của nhân dân mà nhìn nhận xã hội. Đó là thêm một lẽ để ông trở thành bất tử.